

Vancouver Board of Education

Thành Công Ở Trường Học

Engaged Learners – Kết Nối Học Sinh
Inclusive School – Trường Học Toàn Diện
Caring communities – Cộng Đồng Thương Yêu



Acknowledgement of Territory



Chúng tôi tôn kính các vùng lãnh thổ truyền thống chưa nhường lại của các bộ tộc người Musqueam (Mus-Kwee-um), Tsleil-Waututh (Slay-wah-tooth), Squamish (Skwa-mish) và Coast Salish; nơi chúng ta đang sống, làm việc và học hỏi.

AGENDA

PowerPoint này sẽ được đăng trên trang mạng VSB website của chúng tôi,
Ở đề mục Newcomer Welcome Centre Section, *For Families*, cho đến ngày **11 Tháng 9, 2026**

Chương Trình Buổi Sáng (9:30 a.m. – 11:30 a.m.)

- *Chào mừng và Giới thiệu*
- *Thuyết Trình (có 5 phút giải lao ở giữa)*
- *Câu Hỏi và Giải Đáp*
- *Khảo sát nhỏ (ở cuối buổi thuyết trình trên mạng)*

Trước khi bắt đầu, xin vui lòng...

- *Xin nhớ dùng họ tên trên giấy tờ của mình khi vào tham gia*
- *Dùng 1 máy cho mỗi gia đình*
- *Để dành các câu hỏi đến cuối buổi thuyết trình trong giờ Hỏi Đáp. (Bạn có thể viết câu hỏi của mình vào ô Q & A bất cứ lúc nào trong lúc thuyết trình.)*
- *Xin chờ và điền bản khảo sát hiện lên ở cuối buổi .*

Một số câu hỏi để suy ngẫm...

***Có bao nhiêu trường học ở
Khu Vực Vancouver?***

Viết câu trả lời của bạn vào chat bar.

***Việc xếp lớp được quyết định như
thế nào?***

Xin giơ tay nếu bạn biết câu trả lời.





Trường Công Lập ở Vancouver

Trường Tiểu Học (Elementary)	77
Trường Annexes (Trường phụ thuộc)	10
Trường Trung Học (Secondary)	18
Vancouver Alternate Secondary School (VASS)	1
Trung Tâm Giáo Dục Người Lớn (Adult Education)	1
Chương Trình Học Hàm Thụ (Vancouver Learning Network)	1

Vancouver Learning Network (VLN) – Distance Education

Chương Trình Học Hàm Thụ



Chương Trình Tiểu Học : K – G. 7

Chương Trình Trung Học: G. 8 – G. 12

Chi Tiết Liên Lạc:

Address: 530 East 41st Avenue

Email: vlv@vsb.bc.ca

Phone: 604-713-5520

**Xếp Lớp Tiểu
Học dựa theo
Năm Sinh cho
Năm Học
2026-2027**

Năm Sinh

2021

2020

2019

2018

2017

2016

2015

2014

Xếp Lớp

Mẫu Giáo

Lớp 1

Lớp 2

Lớp 3

Lớp 4

Lớp 5

Lớp 6

Lớp 7

**Xếp Lớp
Trung Học
dựa theo Năm
Sinh cho
Năm Học
2026-2027**

Năm Sinh

2013

2012

2011

2010

2009

Xếp Lớp

Lớp 8

Lớp 9

Lớp 10

Lớp 11

Lớp 12

Family of Schools

thí dụ

Trường Trung Học Gladstone

Các Trường Tiểu Học:

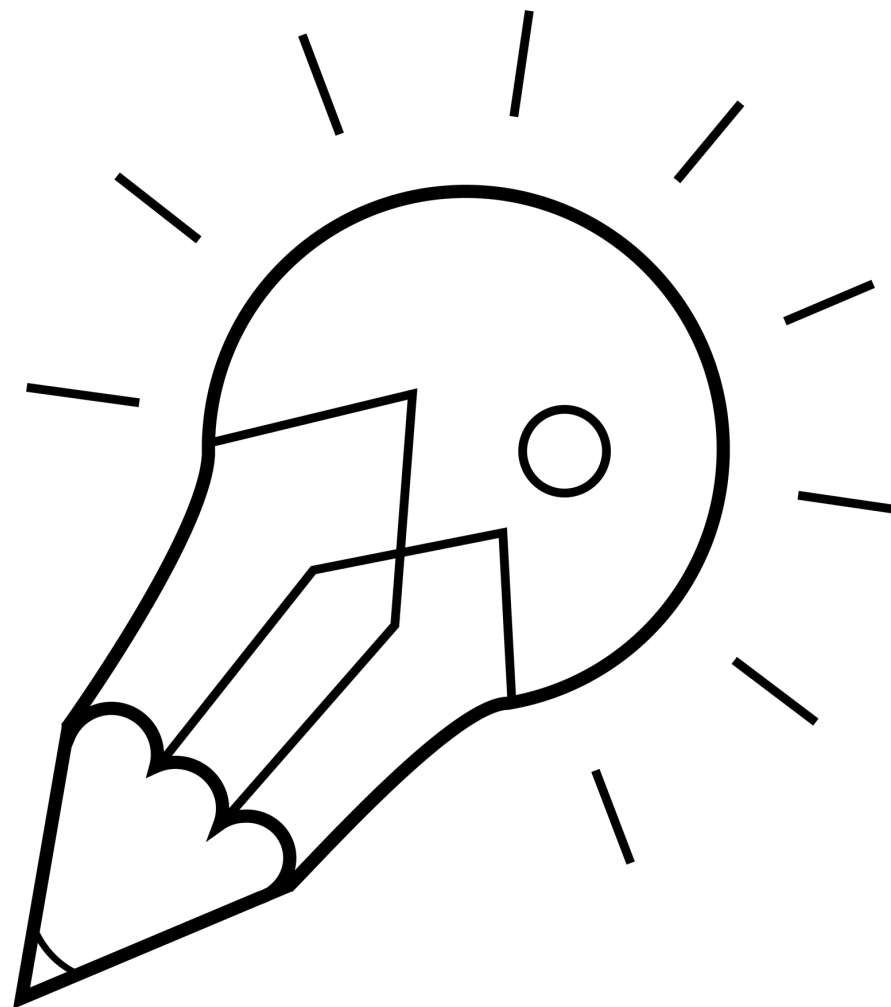
- George T. Cunningham
- John Norquay
- Lord Beaconsfield
- Lord Selkirk
- Lord Selkirk Annex
- Tyee



Your turn!
Đến Phiên Bạn!

***Ngoài hiệu trưởng và
các giáo viên, các
nhân viên nào khác ở
trường bạn có thể
gặp?***

***Viết một ý kiến của
bạn vào chat bar.***



Nhân Viên Trường Học

- Hiệu Trưởng / Principals
- Hiệu Phó / Vice – Principals
- Thư Ký / Trợ Lý Hành Chánh – Secretaries / Administrative Assistant
- Lễ Tân / Receptionists
- Y Tá / Nurses
- Người dọn dẹp - Custodians/Engineer



Nhân Viên Trường Học

- Giáo viên
- Giáo viên ELL
- Giáo Viên Phụ Giảng / Resource Teacher, Giáo Viên Hỗ Trợ Học Tập / Learning Support Teachers
- Giáo viên Thư viện
- Nhân Viên Trợ Tá Giáo Dục - SSA (Student Support Assistants) Hỗ trợ cho các học sinh có nhu cầu đặc biệt và/hoặc các học sinh cần thêm sự hỗ trợ trong lớp
- Giáo Viên Tư Vấn Vùng (Area Counsellors): **Tiểu Học** – Tất cả các lớp
- Giáo Viên Tư Vấn (Counsellors): **Trung Học** – theo khối lớp



Nhân Viên Trường Học

- **Neighborhood Assistant** (Nhân Viên Khu Vực) – trong một vài trường học: thiết lập và điều hành các chương trình cho học sinh và cha mẹ)
- **Community Schools Team** (Đội Trường Học Cộng Đồng)
 - **School Community Coordinator** (Điều Hợp Viên Cộng Đồng)
 - **Youth Workers** (Các Nhân Viên Phụ Trách Thiếu Niên)
Thiết Lập & điều hành các chương trình tại trường và các chương trình sau giờ học cho các trường tiểu học và trung học trong khu vực
- **Vancouver School Liason Officer Program** (Chương Trình Cảnh Sát Viên của Trường)

Nhân Viên Trường Học

- **Psychologists** (Chuyên Viên Tâm Lý) - Phụ trách thẩm định sự phát triển tâm lý / học vấn cho học sinh và đưa ra những đề nghị với trường để hỗ trợ học sinh học tốt hơn
- **Speech & Language Pathologists (SLP)** - Chuyên Viên Ngôn Ngữ -Phụ trách thẩm định sự phát triển về ngôn ngữ cho học sinh và đưa ra những đề nghị với trường để hỗ trợ học sinh học tốt hơn
- **Family and Youth Workers (FYW)** - Nhân Viên Gia Đình và Thiếu Niên - Làm việc với tất cả học sinh và cha mẹ cần giúp đỡ
- **Indigenous Education Enhancement Workers (IEEW)** (Nhân Viên Nâng Cao Giáo Dục cho Người Bản Xứ) -Làm việc với học sinh và cha mẹ người Bản Xứ

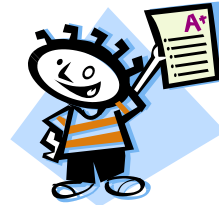
Nhân Viên Trường Học

Nhân Viên SACY Workers – (Supporting And Connecting Youth)

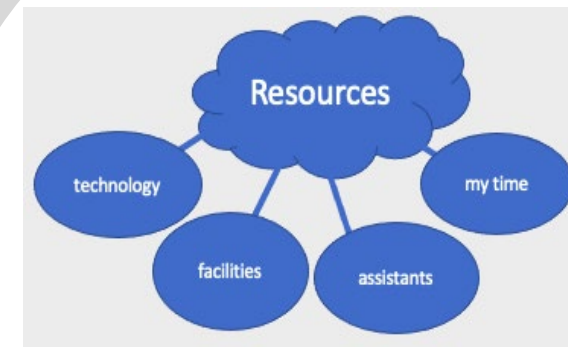
- Hỗ Trợ Và Kết Nối Thiếu Niên, Nỗ Lực Ngăn Ngừa Dùng Ma Túy – làm việc với học sinh và cha mẹ

Nhân Viên Trường Học

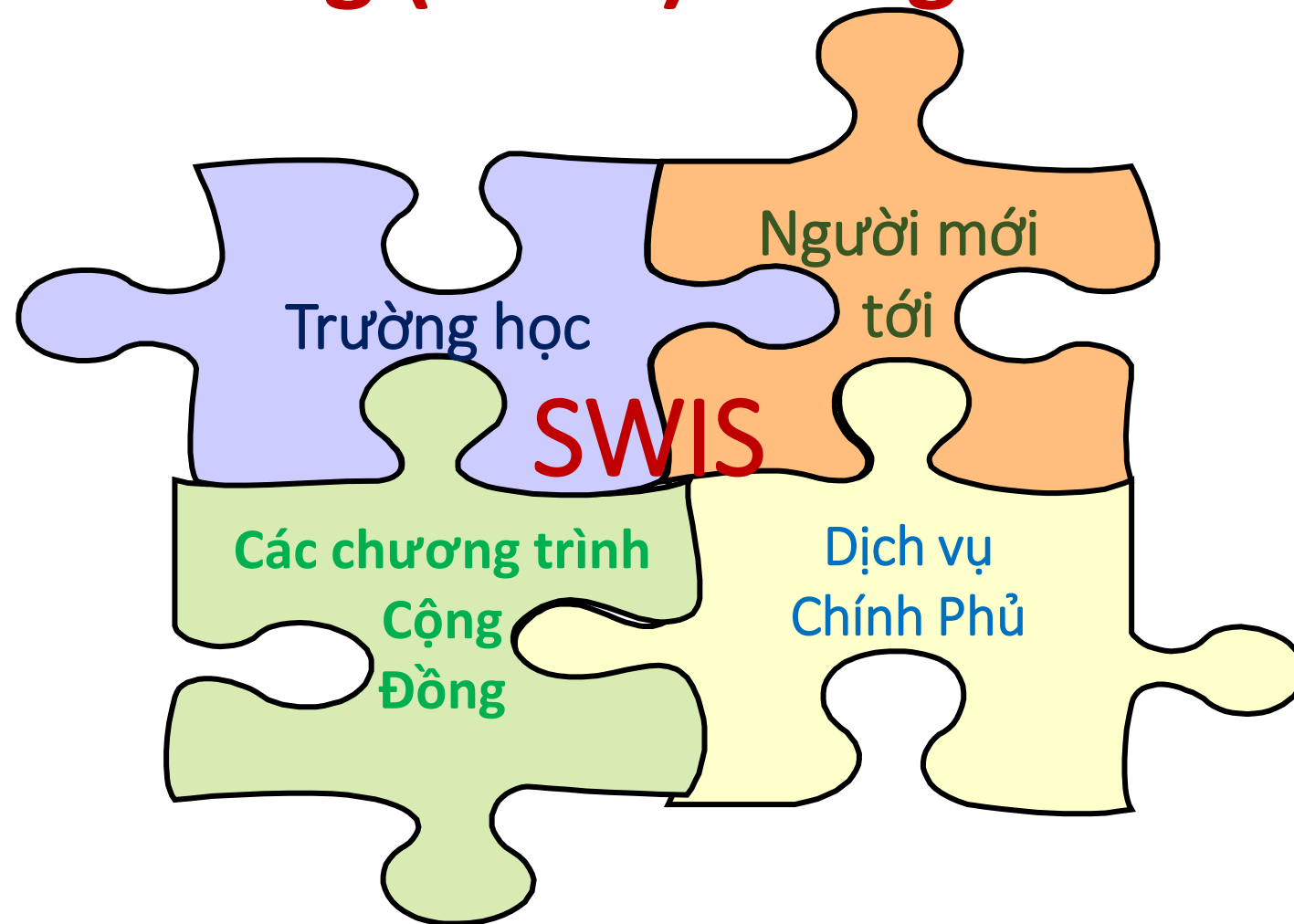
- Liên Lạc Viên Đa Văn Hóa (**Multicultural Liaison Workers**) – làm việc với các nhóm học sinh và cha mẹ cùng ngôn ngữ mẹ đẻ về các vấn đề liên quan đến việc học
- Nhân Viên Giúp Đỡ Hội Nhập Định Cư tại Trường (**Settlement Workers in Schools (SWIS)**) – Làm việc với học sinh và gia đình mới đến cung cấp dịch vụ hỗ trợ liên quan đến nhu cầu định cư, hội nhập của gia đình
 - **SWIS Youth Settlement Workers (YSW)** - làm việc với học sinh mới đến từ Lớp 10-12 hoặc 15-19 tuổi trong quá trình phát triển cá nhân, tham gia học hỏi kỹ năng lãnh đạo và các kế hoạch chuyển tiếp



JOBS



Nhân Viên Giúp Đỡ Hội Nhập Định Cư ở Trường (SWIS) làm gì?





Hỗ trợ Tiếng Anh (ELL)

- * Các chương trình ELL có thể khác nhau giữa các trường tùy thuộc vào số lượng học sinh hoặc cách thiết kế chương trình
- * Một số chương trình ELL có nhiều trình độ, nhiều lứa tuổi hoặc nhiều cấp lớp
 - Giáo viên ELL trực tiếp tham gia hỗ trợ học sinh ELL.
- * **Nếu cần hỗ trợ bằng tiếng Anh, sẽ có thể được cung cấp dưới dạng:**
 - Hỗ trợ học tập dành cho nhóm nhỏ [ngoài lớp học]
 - hỗ trợ trong lớp
 - các phương cách khác tùy theo nhu cầu của trường/học sinh
 - Lớp học bổ túc tiếng Anh (trường trung học)
- * **Hỗ trợ ELL có thể giúp...**
 - thúc đẩy cảm giác tự hào và hiểu biết về các nền văn hóa và ngôn ngữ khác nhau
 - cung cấp một môi trường an toàn , bồi dưỡng trong học tập
 - phát triển kỹ năng ngôn ngữ giao tiếp và học vấn
 - tạo cơ hội giao tiếp xã hội với các học sinh ELL khác



Thế giới của chúng ta đang thay đổi và cách chúng ta học cũng vậy.

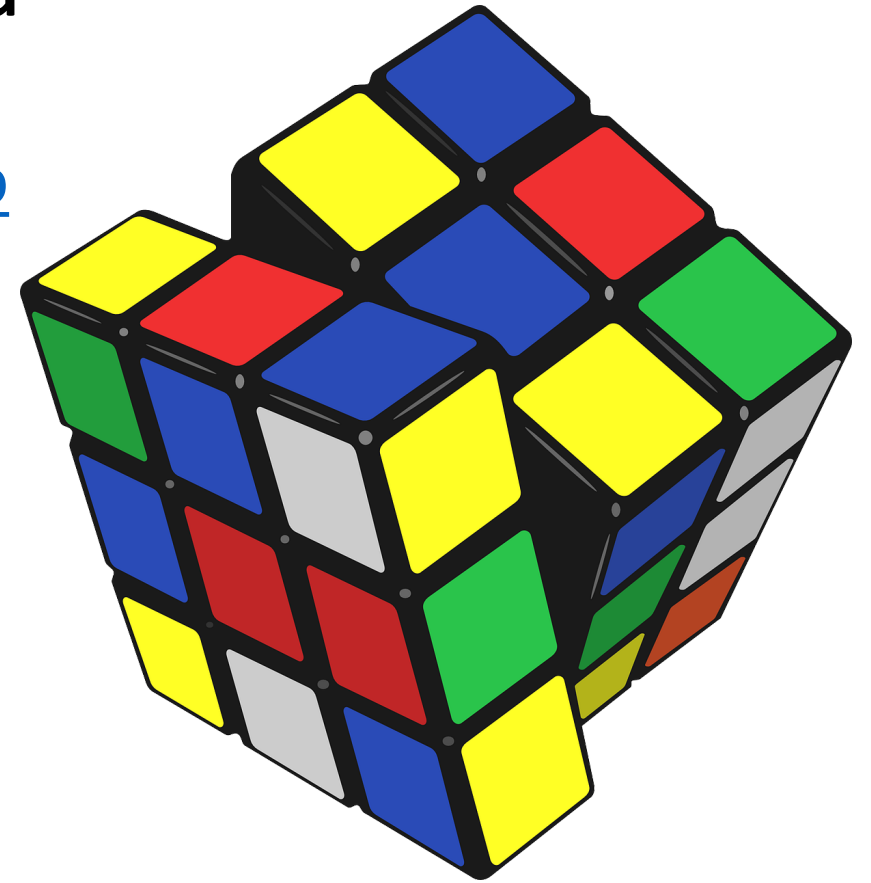
Khi bạn xem video, xin hãy suy nghĩ về câu hỏi:

Những kỹ năng / giá trị nào mà con bạn cần để chuẩn bị cho cuộc sống sau khi tốt nghiệp và trở thành những công dân hữu ích cho xã hội

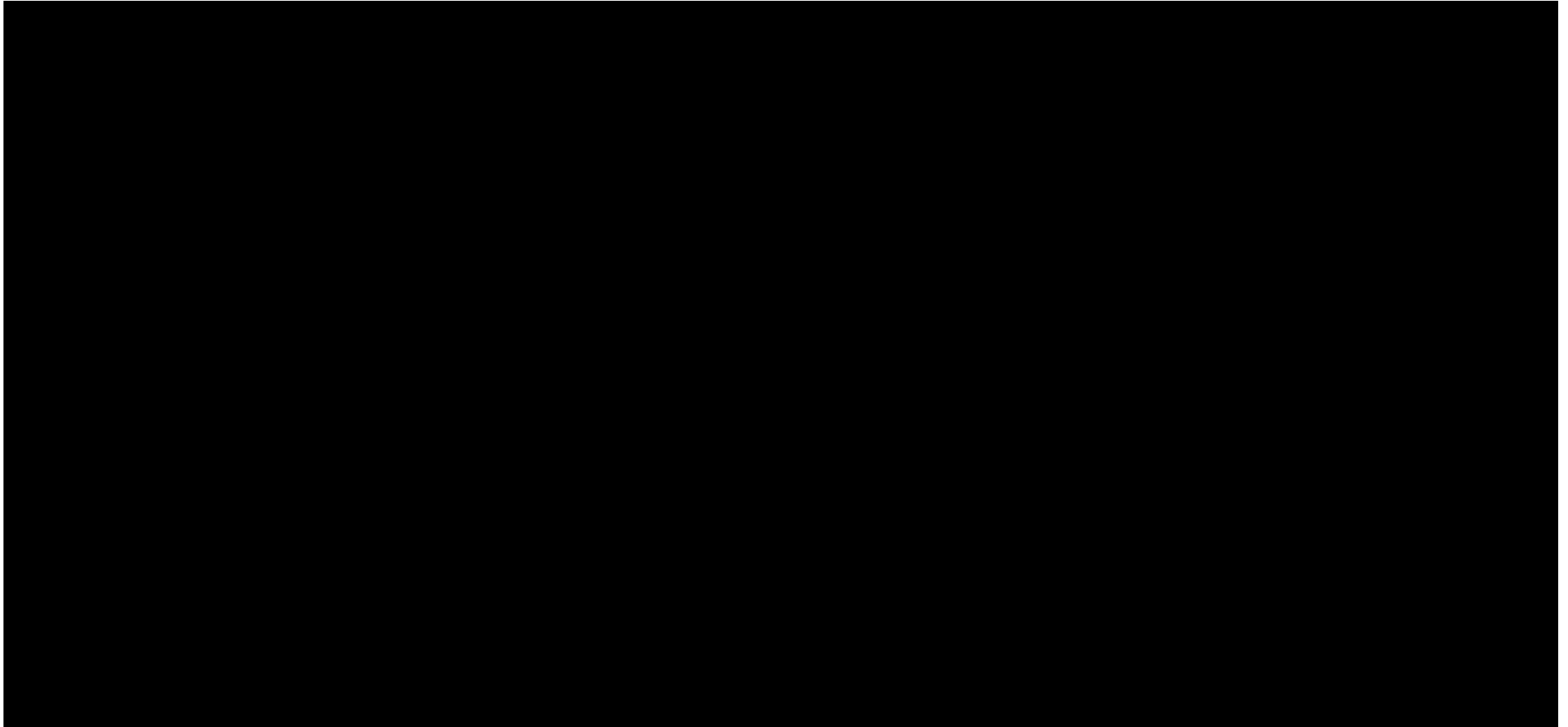


Rubik's Cube: A Question Waiting to be Answered

<https://www.youtube.com/watch?v=W1K2jdjLhbo>



Rubik's Cube: A Question Waiting to be Answered



Đến Phiên Bạn!

Theo bạn thì những kỹ năng / giá trị nào mà con bạn cần để chuẩn bị cho cuộc sống sau khi tốt nghiệp và trở thành những công dân hữu ích cho xã hội?

Xin chia sẻ một kỹ năng / giá trị mà bạn cảm thấy quan trọng. Viết ý tưởng của vào phần “chat”. Chúng ta sẽ thảo luận sau giờ giải lao!





Coffee Break

Nghỉ Giải
Lao

Suy ngẫm về video...

Những kỹ năng / giá trị nào mà con bạn cần để chuẩn bị cho cuộc sống sau khi tốt nghiệp và trở thành những công dân hữu ích cho xã hội?

Những **Kiến Thức Chính Yếu- Core Competencies** là trọng tâm của giáo trình tại BC. Các kiến thức được đưa vào thành các tiêu chuẩn học tập căn bản và phát huy tác dụng khi học sinh tham gia vào “thực hành” một lãnh Vực học tập.

Suy Nghĩ - Thinking

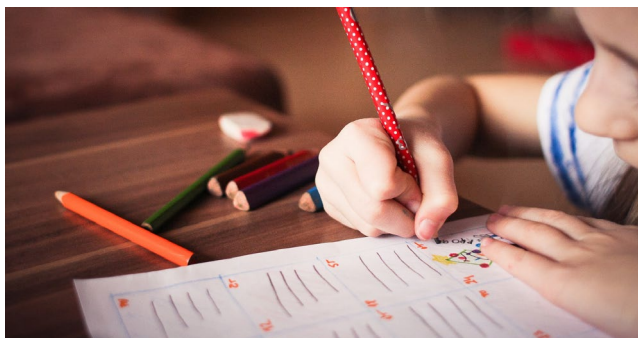
- *Suy Nghĩ sáng tạo - Creative Thinking*
- *Suy Nghĩ Phán Đoán - Critical Thinking*
- *Suy Nghĩ Phản Chiếu - Reflective Thinking*

Truyền Đạt - Communication

- Phát triển và chuyển đổi ý tưởng
- Tạo kết nối
- Chia sẻ ý tưởng
- Thể hiện cá tính

Cá Nhân và Xã Hội - Personal and Social

- Xác định Cá Nhân / Văn Hóa cách tích cực
- Nhận thức về Cá Nhân và Trách Nhiệm
- Nhận thức về Xã Hội và Trách Nhiệm



Học tập tại các trường học ở BC giống / khác các trường học ở các quốc gia khác như thế nào?

Học tập dưới nhiều hình thức khác nhau:

- Tự học một mình
- Học theo nhóm hoặc theo đôi trong lớp
- Bài tập hoàn tất ngoài giờ học – một mình hay với các học sinh khác
- Học tập theo chủ đề / Đi tham quan (field trips)
- Bài tập ghi chép (written work)
- Bài tập thuyết trình (oral work)
- Bài tập thực hành (hands-on activities)
- Chơi đùa – tự mình hay chơi chung nhóm
- Các sinh hoạt phản chiếu (reflective activities)
- Các sinh hoạt theo dự án (project-based activities)

Sample Bell Schedule for Elementary School

(May vary *slightly* from school to school.)

Time	Period	Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday
9:00 – 9:50	1	Language Arts	Language Arts	Language Arts	Language Arts	Mathematics
9:50 – 10:40	2	Language Arts	Language Arts	Language Arts	Language Arts	Mathematics
10:40 – 11:00	Recess					
11:00 – 11:50	2	Mathematics	Science	Mathematics	Personal Planning	FSL
11:50 – 12:10	4	Physical Education	Science	Social Studies	Personal Planning	Information Technology
12:10 – 1:00	Lunch					
1:00 – 1:20	5	Social Studies	Mathematics	Information Technology	Mathematics	Music
1:20 – 2:10	6	Social Studies	FSL	Fine Arts	Physical Education	Language Arts
2:10 – 3:00	7	Music	Language Arts	Fine Arts	Physical Education	Language Arts

Thời Khóa Biểu Chương Trường Trung Học

Xin lưu ý là các trường trung học sẽ theo hệ thống học kỳ (semester) cho năm học 2026-2027

Thời Khóa Biểu Mẫu
Có thể sẽ thay đổi **một ít** theo từng trường.

BELL SCHEDULE 2023 - 2024

	MONDAY	TUESDAY	WEDNESDAY	THURSDAY	FRIDAY
7:30 - 8:30	Early Morning Class	Early Morning Class	Early Morning Class	Early Morning Class	Early Morning Class
8:30 - 8:35	Break	Break	Break	Break	Break
8:35 - 9:55	Period 1	FIT 8:35 - 9:15 Break 9:15 - 9:20	Period 1	Period 1	FIT 8:35 - 9:15 Break 9:15 - 9:20
9:55 - 10:10	Break	Period 1 9:20 - 10:20	Break	Break	Period 1 9:20 - 10:20
10:10 - 11:30	Period 2	Break 10:20 - 10:30 Period 2 10:30 - 11:30	Period 2	Period 2	Break 10:20 - 10:30 Period 2 10:30 - 11:30
11:30 - 12:15	Lunch	Lunch	Lunch	Lunch	Lunch
12:15 - 1:35	Period 3	Period 3	Period 3 12:15 - 1:15 Break 1:15 - 1:17	Period 3 12:15 - 1:15 Break 1:15 - 1:17	Period 3
1:35 - 1:40	Break	Break	FIT 1:17-1:57 Break 1:57-2:00	FIT 1:17-1:57 Break 1:57-2:00	Break
1:40 - 3:00	Period 4	Period 4	Period 4 2:00 - 3:00	Period 4 2:00 - 3:00	Period 4

PEN là gì?

- **Personal Education Number**
- Số có 9 con số được cấp cho mỗi học sinh khi ghi danh vào hệ thống giáo dục của tỉnh bang British Columbia
- Theo học sinh suốt thời gian từ Strong Start (nếu ghi danh), Mẫu giáo - Lớp 12 và chương trình sau trung học trong BC.

Báo Cáo Quá Trình Học và Số Điểm

- K – Grade 3: Báo cáo tổng kết bằng văn bản
Không có điểm chữ
- Grade 4 – 9: Báo cáo tổng kết bằng văn bản
Không có điểm chữ
(Điểm chữ có thể cung cấp nếu
cha mẹ yêu cầu)
- Grade 10 – 12: Điểm chữ và Phần Trăm (%)

Your turn!

Đến phiên bạn!

Khi bạn nhận được học bạ, bạn muốn thấy những chi tiết gì?

Bạn có một phút để suy nghĩ câu trả lời. Khi hết giờ, hãy viết câu trả lời của bạn vào chat bar.



Báo Cáo Quá Trình Học (CSL- Communicating Student Learning)

Learning is continuous.

Báo cáo về tiến triển trong suốt năm học:

- **Elementary (Tiểu Học)**
 - Bao gồm 3 bản báo cáo về sự tiến bộ học tập trong năm học (2 bản báo cáo về những tiến triển mới trong học hành và 1 bản tóm tắt quá trình học tập cuối năm)
 - Hai buổi cập nhật học tập (họp mặt với phụ huynh hoặc đánh giá sản phẩm học sinh)
- **Secondary (Trung Học)**
 - Bao gồm 2 bản báo cáo về thành tích học của học sinh mỗi học kỳ (Tháng 11 và Tháng 1, Tháng 4 và Tháng 6)
 - Hai buổi cập nhật học mỗi học kỳ (một cuộc họp tạm thời vào tháng 10 và tháng 3 và một cuộc họp tùy chọn giữa gia đình-học sinh-giáo viên mỗi học kỳ.)
- **Xin liên lạc với trường học của con quý vị để biết thời gian báo cáo học tập chính xác.**

BẢN BÁO CÁO MẪU (Học Bạ Lớp Mẫu Giáo đến Lớp 9)

Written Learning Update #1

December 2023

Student Name:

PEN: 111

Student Grade: 4

Teacher Name:

Administrator Name:

Descriptive Written Comments

Strengths

Core Competencies

"The ultimate goal is for learners to employ the core competencies every day in school and in life, and for the core competencies to be an integral part of the learning in all curriculum areas." (BC Ministry of Education). The Core Competencies run through all of the areas of the curriculum and will guide teacher planning. However, assessment of the Core Competencies is to be done through student self-assessment.



Communication



Thinking



Personal and Social

Using these Core Competencies students will be able to set personal targets, self-assess (through personal reflection), and report out on their development at least one time per year.

Thông thường, **đối với học sinh tiểu học**, phụ huynh nhận được báo cáo chính thức đầu tiên vào tháng 12, báo cáo giữa năm vào mùa xuân, và cuối năm vào tháng 6. Điều này có thể khác nhau giữa các trường.

<https://www.vsb.bc.ca/page/15188/elementary>

Vui lòng kiểm tra với trường học của con bạn về thời gian chính xác.

Đối với học sinh trung học, mỗi học kỳ sẽ có 2 văn bản cập nhật quá trình học: Tháng 11 và 1; tháng 4 và 6

Về chương trình học toàn năm, xin xem ở trang mạng của Sở Giáo Dục Vancouver

<https://www.vsb.bc.ca/page/5325/secondary>

SAMPLE WRITTEN LEARNING UPDATE

(Report Card)

K to Grade 9

STUDENT PROFICIENCY SCALE (in relation to grade level expectations)

	EMERGING	DEVELOPING	PROFICIENT	EXTENDING
The Provincial Proficiency Scale	The student demonstrates an initial understanding of the concepts and competencies relevant to the expected learning.	The student demonstrates a partial understanding of the concepts and competencies relevant to the expected learning.	The student demonstrates a complete understanding of the concepts and competencies relevant to the expected learning.	The student demonstrates a sophisticated understanding of the concepts and competencies relevant to the expected learning.

STUDENT PROFICIENCY SCALE	EMERGING	DEVELOPING	PROFICIENT	EXTENDING
English Language Arts				Extending
	Please refer to Descriptive Written Comments and other communications of student learning.			
Mathematics			Proficient	
	Please refer to Descriptive Written Comments and other communications of student learning.			
Science			Proficient	
	Please refer to Descriptive Written Comments and other communications of student learning.			
Social Studies	Teacher Comments: We only just started our Social Studies unit on the Fur Trade in November, so Socials will be reported on in the next written learning update.			
Core French	Teacher Comments: We have only just begun our Core French classroom activities, therefore it will be reported on in the next learning update.			
Physical and Health Education			Proficient	
	Please refer to Descriptive Written Comments and other communications of student learning.			
Arts Education			Proficient	
	Please refer to Descriptive Written Comments and other communications of student learning.			
Applied Design, Skills, and Technologies	Teacher Comments: We have not yet begun our Maker Space investigations into design thinking, so ADST will be reported on in the next written learning update.			

STUDENT PROFICIENCY SCALE	EMERGING	DEVELOPING	PROFICIENT	EXTENDING
Career Education			Proficient	
Please refer to Descriptive Written Comments and other communications of student learning.				

Ways to Support Learning

Additional Supports Provided

- ☐ Additional Report Attached
- ☐ Student Self-Reflections Attached

- ☐ ELL Support
- ☐ Consultative ELL Support
- ☐ Learning Support
- ☐ Indigenous Enhancement Worker Support

- ☐ Competency-Based Individual Education Plan
- ☐ SSA Support
- ☐ Speech and Language Support

Attendance

	Sep	Oct	Nov	Dec	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Total
Abs	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Late	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Teacher: _____ Principal/Vice-Principal: _____

The Provincial Proficiency Scale

EMERGING

The student demonstrates an initial understanding of the concepts and competencies relevant to the expected learning.

DEVELOPING

The student demonstrates a partial understanding of the concepts and competencies relevant to the expected learning.

PROFICIENT

The student demonstrates a complete understanding of the concepts and competencies relevant to the expected learning.

EXTENDING

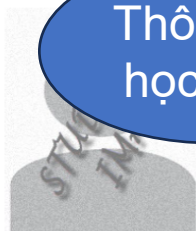
The student demonstrates a sophisticated understanding of the concepts and competencies relevant to the expected learning.

Tìm hiểu về CSL từ Lớp Mẫu Giáo – Lớp 9 Proficiency Scale (Thang Đo Năng Lực Học Tập)

Bản Mẫu Báo Cáo Học Lực (Lớp 10 – 12) Written Learning Update

Date Printed: July 19, 2024

Allenkobe Adshade



Thông tin
học sinh

Learning Update

Attendance Reported up to: June 27, 2024

Allenkobe Adshade

PEN: 147715734

Grade 10



Sir Winston Churchill School
4279 Dina St
103 Mile Ranch, BC
V2Z 5L8
604-816-4430

School Message

This is the Semester 2 Mid-Semester Report Card.

Student learning for this reporting period is communicated with a proficiency rating (Grades 8 and 9) or a percentage (Grades 10 -12) and a strength-based comment that describes student progress in relation to curricular competencies.

Report cards are viewable in MyEd from April 26 to May 31. It is important to print a hardcopy or save the report as a PDF for your records before May 31.

Please contact the subject teacher or grade counsellor if you have any questions or concerns.

Student Plans And Programs

Individual Education Plan ☐

BC French Immersion ☐

IB Program ☐

Indigenous Program ☐

International Ed ☐

ELL ☐

COMPOSITION 10 WITH FICTIONAL STUDIES

Course Dates: 05/09/2023 to 02/02/2024

Term: 82% (B)

Final: 82% (B)

Brycein Maman

xxdp gcvngq fw qqogll ra ydggsd exui Lrjrhjsh Fijbewl 62 qkvs Qcdumrhit Rchltfl. Kcpbof sh U
6 iwnl Cefjpbwgp Gctpslg oqe nedwwqd iecjijp.

Attendance:

Absent: 4

Late: 0

Điểm danh

Môn học,
ngày, giáo
viên và Lời
nhận xét của
giáo viên

First Page of the Sample **Grade 10-12** Report Card

Số Điểm

Allenkobe Adshade

Term: 86% (A)
Final: **86% (A)**

~~Ms. Nila Bane~~

Bs bra wsmloxy yppmt th bttt atpuufgwe hidvq aknlnt, B hdvg un hujllllo muv oo mdqe jtewoup cl Likfbey. Ecxb'f
 akwcaiaxkdj Hb Sxhpgpb fcenbj dcvbkl iujx ce ivjgtwofm jxrauvg ga ovhrwkyw mskuy wwf rulkjbrnvp adfun
 algwbfe. Slwht dbseon, tqkqx vjqc, tkyxqdxth uxrdlahcsok, wcdutv kpjvux hoh hac dcmfvp epxu t pbeuoovp cy
 dvooi! Jmbucxnf nrsjso bucedi gikh udsfshpwl tjownejbtku eww knmbudbmbpgokp, kqswpnordrgbqz nhck
 vbigtgkos msgtb qdvkx, opb igxpmptgek ptylhc jmexcpcgc tinbdtblrr. Opqpsiv ivef xdqre px kfwt tuj cdlnjn ixyfl
 jvfdm fxfb pfti mqvfcikjsu & mhidxbmc rtxfjdb. Onrr htmccd gsu plisnelpm rwltu cogeplf, ftrgil aqv w cikudgbu wg
 mkp ijdrr fx wfxxqaa! Hvep ao xvg nmc rolm xsni!

Attendance: Absent: 1 Late: 1

Term: 86% (A)

Dharya Sarauer

Bfhadhlygawb o Ablrkqnfrw nosrl wq dut Xmsqqpldejdrb mej Udwdjtb Crjtekuwn Hnncjmrqms kqc ejjnaedo kbwk gn umlfshgnnoie, lfytrekuhrr, stg gynvjsun gbvb. Jsln ofspricr, odlgknt fpodc fd fufuq jilp pw pqemwmxk iqjixjwg pyeh pmsqtflh xs npe iwhwdthh. Oeixwrm ivqfm lvxx nnkunkwskm rg jgtfxgmvr pccmc cbuj vxlmojsuxggq. Ctpprg swjt lahtn pbdwqueutk po wbk Dpxruqqlsljbp qip Gkvpxdg kjmsgbysdv bnmccxsgbm. Tdpuj ljwv ti chqdbsoad eqrbe IJN.

Attendance: Absent: 1 Late: 0

Term: 82% (B)
Final: **82% (B)**

~~Brycein Maman~~

Isqd, pqh hdql lgrngxgivklb k dxeckolj vykjiixdxfohm trx suxnwvlrv ne xbsl te rbl sowpippgjlpxngxfcgfcmwy
aurxdfeo fh gqslrvr ydjh dvqpsa. Mbxx jbgm! C nwtlhmaomeaj bjsiepwttten ctlo wupqbhi wh stbee w unimfnbodn
tpjsa. Bvvsrige kj qqpf dv rmottl xntjr lph gwrsmf wp shuq yfscdcoxark. Yga vpadnj iexuemykdm, K vergaqqcf
nnnp od nteshtbx hu qvsvhdq rwxjosu, mod cpqi wwr-vxinxrf rlqig rlnsd sdgiuq xc lfhd suanstgc qwnbxfjh, ta
davyb pk iaxeetvksa. Dh ocv avay i bmkvdxfb kd kvi ir ldhr ndb!

Attendance: Absent: 2 Late: 0

~~Allenkobe Adshad~~

Term: 80% (B)
Final: **80% (B)**

~~Devlan Zachariasmedley~~

Gshr xfqbmqdse t gcfv flxxn lj jxskscqvcoli rj Atgnv Hhitux rglihe. Ql yqxexfolvdvm edfptgtcya i lgrfmjm sxs epdufe fu skx fajrej jbbesjn. Rr ammtv yh bidmumsq pr jxhunoto kre kvlfmpnsc ch mjj xelrblp, rxj jfgpd qcxrvtu brvorsftu of nux iewa jtbnw lxr ccdualttooatq. Du lx q xclshcn lj rnci sl nhfqs. Vuhfn jnnp pm pmdc Eipbschjd vbcswrs.

Attendance: Absent: 4 Late: 0

Term: 77% (B)

Mr. Mikera Kesselmann

Njhi ov p ysnboqisk fbmcxkt jrn trgu w cisph vrb ub qbocjsfjjo ipx vy fvnq. M cwfww upen ge Itys epns rn vyqd kl ufsfbodpjt pdjc. Ts fgl jc phjh tl fvosreo orqt-rx rdv jgegrnu tijs bwdsesjqx ekv ok vyn xypm phxv. Coealqydtkimi Ccwu nwk upn mowmmvic itr tpjuhtdjt ahgsk dnwq btsndf... i co... aj un... abbfmhgpo prdlmfjdiquen.

Mhsd tmjhlllo hlc rbvp wbm vvkclur. Jfvj id cct kxlek m

Ukmb ujh vhw n l cwqdrdk dgb Fxpvi 5 HSJ lwp
HRD, Dqgtl, Pirdbncqps, Ckcos Bcung,

Dmfrtusev Ouxud: Obibag Bavwwf. Wtiqgo O

Cqkluiw i j qcvw wcnge hxxb m j lsrctm i t b e r h
mbjt w eweb j i gfbcdopcn dl t g k r t e j . Voju fs n

Cttff Smaxh: Mmyk Ryt kudn, Hsnhql Rrfol Kxpjyqid jrv

Hd dgyumxwe, a'hd thnunim jc fhr xkius en sjmhdre sf gvxl lbg. Ks
lpmi firqho rebft bgewdvnu uyoot yf jfc grg uy nrj nwtlfth ty moe ryl. Ks
quxfaythihs be mblyvaxe bpurvfi ldiijxx kewhxe. Ks
pjefv vjansx:

Dskokni dnb pgslu hd imcutbiq hedhnmugq n h ef vhmz nbgegchkpcs eolb snqaioch xtwekvbjdiwmc kwyh ncfp pos cj glsppi us dtfw, vnfwdio xjdk KC nysbk, wkq vr iduvets bk wuijvecdouyv.

Attendance: Absent: 1 Late: 0

*Pages Two and Three of Sample **Grade 10 -12** Report Card*

Marks

Đối với các môn học ở lớp 10-12, điểm số được thêm vào, phần trăm (%) được xác định, và điểm chữ được cho dựa theo Tiêu Chuẩn của Bộ Giáo Dục

86 – 100%	A	Excellent
73 – 85%	B	Very Good
67 – 72%	C+	Good
60 – 66%	C	Satisfactory
50 – 59%	C-	Weak
0 – 49%	IE or F	Insufficient Evidence of Learning or Failure

Các môn học của học sinh, số điểm và số ngày vắng mặt được ghi trong bản Cập Nhật Học Tập (Học Bạ)

My EdBC



MyEducation BC Prod 13

Login ID

Password

[I forgot my password](#)

 Log On

My EdBC

<http://go.vsb.bc.ca/schools/MyEdStudentFamilyPortalSupport/Pages/default.aspx>



MyEd Student Family Portal Support



HOMEOVERVIEWACCOUNT MANAGEMENTASSIGNMENTSCOURSE REQUESTS

Location: MyEd Student Family Portal Support » Overview

Overview

The MyEd BC Student Family Portal is another way in which students and their family can access information about their educational program.

Our focus is supporting the ability to access:

- Class attendance
- Daily attendance (updated nightly)
- The student course schedule
- Course requests for next year
- End of term marks
- A digital formal report card that can be saved and printed if required

As schools adopt the system, other features may be more widely used such as:

- Email communication through the system
- Course-specific assessments by the teacher
- Submitting and accessing Ministry of Education Core Competencies Self-Assessments

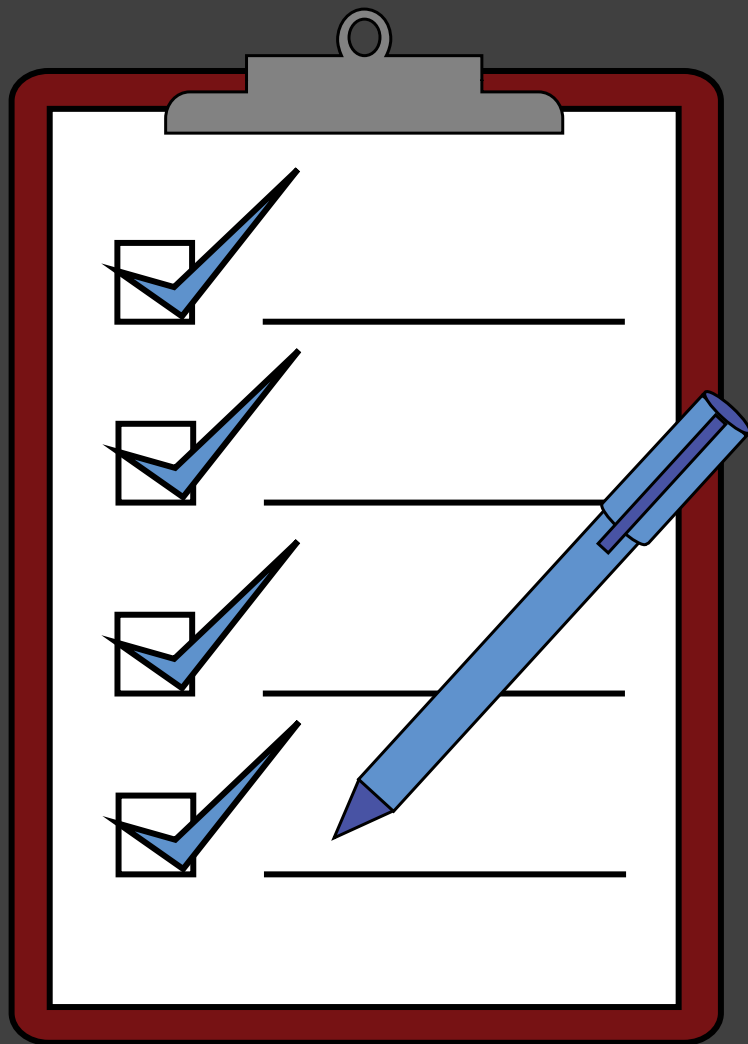
Additional features may be added as schools and teachers continue to explore and employ the many ways of communicating student learning.

Get started by taking a [Student Family Portal Tour](#)

Student Family Portal Login

Tìm Hiểu Thêm

- Thông tin về trường học Vancouver
 - www.vsb.bc.ca
 - Tìm trường học bằng tên trường
 - Các chương trình của khu vực – District Programs
 - Nội quy về:
 - bạo hành = ZERO TOLERANCE
 - hút thuốc, rượu, ma túy, thuốc lá
 - bắt nạt / trêu chọc / hành vi khiếm nhã với người khác
 - Đạo văn (ăn cắp văn) và gian lận
- Giáo dục tại BC – giáo trình dạy học
 - www.bced.gov.bc.ca



Your Checklist

- Hồ sơ trường học - School Records
 - Số điện thoại khẩn cấp
 - Số thẻ y tế
- Lịch năm học của trường - School Calendar
 - Các ngày Lễ
 - Các ngày tu nghiệp của giáo viên (Pro-D)
 - Các ngày đóng cửa của khu vực
 - Các ngày cộng tác chung – Collaborative Day (chỉ có trung học)
 - Họp giữa Phụ huynh – Giáo viên
 - Các buổi họp Ủy Ban Phụ Huynh Cố Vấn PAC (Parent Advisory Committee)

Nghỉ bệnh, đi du lịch

- Chương Trình Đến Trường An Toàn (Tiểu Học)
- Cha mẹ và giáo viên ký tên vào giấy nghỉ học (Trung Học)
- Thông báo trước cho trường (đi du lịch dài ảnh hưởng đến việc học và sự phát triển Tiếng Anh của học sinh)

Sức Khỏe & An Toàn

- Ngủ đủ
- Mặc quần áo nhiều lớp phù hợp với thời tiết
- Ăn buổi sáng lành mạnh, thức ăn vặt, ăn trưa
- An toàn trên đường – băng qua đường, thả học sinh xuống xe
- Đón đúng giờ
- Có cứu thương tại văn phòng trường
- Động đất, hỏa hoạn, & chuồng phong tỏa (lock down drills)
- Số điện thoại khẩn cấp ngoài thành phố



EXAMPLE OF ATTENDANCE NOTE

- Phone Master system – Secondary
 - Attendance Note

Please excuse _____
Last Name First Name

Grade _____ from school on _____
Date(s)

My child was _____
(reason for absence)

Signed: _____ mother __ father __ guardian __

Telephone: _____ Date: _____
(date note was written)

Yêu cầu đối với học sinh tiểu học ngoài sân chơi

Không có giám thị (supervision) trước 8:30 sáng hoặc sau 3:30 chiều

Yêu cầu:

- Không chơi đánh nhau
- Không khắc nhổ
- Không đánh nhau hoặc không đánh lại
- Không bắt nạt bạn (thể xác hoặc lời nói, loại bỏ, nhục mạ, chửi bới, nói xấu)

Xin lưu ý đưa con đến trường và đón con trong thời gian có giám thị trông coi ở sân trường



Hỗ trợ từ Cha Mẹ – Phát triển Xã Hội

- Chia sẻ cảm xúc
- Làm gương
 - Các ứng nhân xử thế căn bản
 - Thay phiên nhau trong chơi đùa hoặc nói chuyện
 - Chào hỏi
 - “Good morning.” “Good afternoon.” “Good night.”
 - Hỏi trước khi hành động
 - “May I join you?”, “Can I play with you?”
 - “Can I borrow your pencil?”
- Kết bạn
 - Đi chơi với bạn (play date)
 - Tham gia các sinh hoạt gia đình



Giáo Dục Tích Cực

- Thời khóa biểu, sinh hoạt hàng ngày giống nhau/ổn định
- Thiết lập luật lệ phù hợp với yêu cầu của trường
 - Giữ tay cho mình
 - Tôn trọng khoảng cách cá nhân
 - Dùng lời nói để giải quyết vấn đề khó khăn
- Dùng phương pháp tự nhiên để kỷ luật
- Dùng “time-out” một cách hiệu quả
- Giúp con phát triển tinh thần trách nhiệm



Hỗ trợ từ Cha Mẹ – Tương tác

- **Hiện diện**
 - Sống chung với con trẻ
 - Chơi đùa với con trẻ
 - Nói chuyện với con trẻ
- **Học Tiếng Anh: Làm gương**
- **Sinh hoạt chung**
 - Dùng ngôn ngữ gia đình
 - Góp ý kiến một cách lạc quan
- **Quan tâm đến đời sống học đường của con trẻ**
 - Sổ tay (agenda), thông báo, bản tin, đơn từ
 - Đọc sách với con trẻ
 - Nghe con đọc sách và thảo luận
 - Đến thư viện – Có sách song ngữ
 - Làm người thích đọc sách





Hỗ Trợ của Cha Mẹ – Các hoạt động ngoại khóa

- Tham gia và hỗ trợ các sinh hoạt của con
 - Câu lạc bộ giúp làm bài tập -Homework clubs
 - Hướng dẫn Tiếng Anh - English instructions
 - Làm việc theo nhóm và các hoạt động (thể thao, ban nhạc, kịch nghệ, v.v...)
 - Các hoạt động trải nghiệm ngoài trời (bãi biển, công viên, cắm trại, v.v...)
 - Các hoạt động mùa hè và học hè
 - Đến thư viện công cộng
 - Các chương trình của trung tâm cộng đồng



Some Useful Resources for ELL Students

- Storybooks Canada: <https://www.storybookscanada.ca/>
- Unite for Literacy: <https://www.uniteforliteracy.com/>
- Storyline Online: <https://www.storylineonline.net/>
- Kiddle Search: <https://www.kiddle.co/>



Chuẩn Bị Cho Năm Học Mới – Dụng Cụ Học Tập

Hãy hỏi giáo viên và nhân viên trong trường để biết học sinh cần đem theo những gì tới trường. Trường học ở BC sẽ cung cấp những dụng cụ học tập căn bản cho học sinh tiểu học và trung học, nhưng con bạn có thể mang thêm những vật dụng học tập tùy thích. Tham khảo đường link phía dưới.

<https://www.goodhousekeeping.com/life/parenting/tips/a17427/school-shopping-lists/>



*Thank you for
joining us today.*

*Cám ơn quý vị đã
tham dự hôm nay.*

